TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2025/DS-PT
Ngày 20-8-2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Ngô Thủy Anh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về: Tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn**:***

Bà Phan Tuyết M, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

Căn cước số: 096164002563; cấp ngày: 09/01/2025; nơi cấp: Bộ C.

- Bị đơn:

1. Ông Lâm Thái S, sinh năm 1965 (Có mặt)

Căn cước số: 096065012328; cấp ngày: 16/06/2025; nơi cấp: Bộ C.

2. Bà Trần Thanh T, sinh năm 1965 (Có mặt)

Căn cước số: 096165008567; cấp ngày: 30/07/2025; nơi cấp: Bộ C.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là: ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau).

- Người kháng cáo:

Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Tuyết M trình bày:

Ông Lâm Thái S có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/4/2022, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 02 chưng ở số thứ tự 27, 28 trong danh sách hụi tên BS S HĐY. Đến ngày 15/6/2022 ông S hốt 01 chưng với số tiền 28.130.000 đồng, đến ngày 02/7/2022 hốt chưng còn lại với số tiền 28.600.000 đồng, bà đã giao đủ tiền hụi hốt cho ông S. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 02/02/2023 đến ngày 15/12/2023 tương ứng với 20 kỳ hụi x 02 chưng x 1.000.000 đồng = 40.000.000 đồng, hụi hiện đã mãn.

Dây thứ hai, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/8/2022, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 01 chưng ở số thứ tự 30 trong danh sách hụi tên BS S, Hội Đông Y huyện. Đến ngày 02/11/2022 ông S hốt hụi, bà giao cho ông S số tiền 28.600.000 đồng. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/4/2024 tương ứng với 29 kỳ hụi x 01 chưng x 1.000.000 đồng = 29.000.000 đồng, hụi hiện đã mãn.

Dây thứ ba, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/01/2023, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 01 chưng ở số thứ tự 16 trong danh sách hụi tên BS S, Hội Đông Y huyện. Đến ngày 02/3/2023 ông S hốt hụi, bà giao cho ông S số tiền 28.000.000 đồng. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 02/6/2023 đến ngày 15/9/2024 tương ứng với 30 kỳ hụi x 01 chưng x 1.000.000 đồng = 30.000.000 đồng, hụi hiện đã mãn.

Dây thứ tư, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/3/2023, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 01 chưng ở số thứ tự 30 trong danh sách hụi tên BS S, Hội Đông Y huyện. Đến ngày 02/5/2023 ông S hốt hụi, bà giao cho ông S số tiền 28.000.000 đồng. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 02/6/2023 đến ngày 15/10/2024 tương ứng với 34 kỳ hụi x 01 chưng x 1.000.000 đồng = 34.000.000 đồng, hụi hiện đã mãn.

Dây thứ năm, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/5/2023, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 02 chưng ở số thứ tự 26, 27 trong danh sách hụi tên BS S, Hội Đông Y huyện. Đến ngày 15/5/2023 ông S hốt 01 chưng với số tiền 27.100.000 đồng, đến ngày 15/7/2023 hốt chưng còn lại với số tiền 28.300.000 đồng, bà đã giao đủ tiền hụi hốt cho ông S. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 15/8/2023 đến ngày 15/10/2024 tương ứng với 27 kỳ hụi x 02 chưng x 1.000.000 đồng = 54.000.000 đồng, hụi hiện đã mãn.

Dây thứ sáu, hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 02/8/2023, gồm 40 chưng, mỗi tháng khui 02 lần, ông S tham gia 01 chưng ở số thứ tự 13 trong danh sách hụi tên BS S, Hội Đông Y huyện. Đến ngày 15/9/2023 ông S hốt hụi, bà giao cho ông S số tiền 27.700.000 đồng. Dây hụi này ông S còn nợ tiền hụi chết từ ngày 02/11/2023 đến ngày 15/10/2024 (ngày khởi kiện) tương ứng với 24 kỳ hụi x 01 chưng x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng. Đối với dây hụi này hiện đã mãn vào ngày 15/4/2025, tính đến khi hụi mãn thì ông S còn nợ bà 1 lần hụi với số tiền 12.000.000 đồng nhưng bà chưa khởi kiện.

Sau khi hốt hụi ông S không thực hiện việc đóng hụi đầy đủ cho bà. Do đó, đến ngày 25/5/2024 ông S có ký biên nhận còn nợ số tiền hụi 100.000.000 đồng và đến ngày 01/10/2024 tiếp tục ký biên nhận nợ số tiền 101.000.000 đồng. Đồng thời, từ ngày 02/10/2024 đến ngày 15/10/2024 nợ thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền hụi ông S còn nợ bà tính đến ngày 15/10/2024 là 211.000.000 đồng. Khi ký biên nhận thì giữa bà với ông S đã đối chiếu với nhau xong số tiền hụi ông S còn nợ nên ông S mới đồng ý ký biên nhận. Sau khi bà khởi kiện ông S có 02 lần đóng hụi cho bà với số tiền 14.000.000 đồng nhưng là hụi chưa mãn không liên quan đến số tiền hụi đang khởi kiện. Số tiền nợ hụi của bà trong thời kỳ hôn nhân của ông S và bà T và sử dụng chung trong gia đình ông S và bà T do ông S cho rằng tham gia hụi, hốt hụi của bà để nuôi tôm công nghiệp và chi xài trong gia đình nên bà yêu cầu ông S và bà T cùng trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 211.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lâm Thái S trình bày: Ông thừa nhận ông có tham gia nhiều hụi do bà M làm chủ nhưng ông không nhớ cụ thể, có hốt hụi nhưng không nhớ số tiền hụi đã hốt nên ông yêu cầu bà M cung cấp giấy ông nhận tiền hốt hụi, đối với các biên nhận tiền hốt hụi vào các ngày 24/6/2022, 25/5/2023, 25/7/2023 đều do ông trực tiếp ghi và ký tên. Các biên nhận nợ tiền hụi vào các ngày 25/5/2024 với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/10/2024 với số tiền 101.000.000 đồng đều do ông trực tiếp ghi và ký tên. Đồng thời, từ ngày 02/10/2024 đến ngày 15/10/2024 nợ thêm số tiền 10.000.000 đồng, không có ký biên nhận. Tổng số tiền hụi ông còn nợ bà M tính đến ngày 15/10/2024 là 211.000.000 đồng. Sau khi bà M khởi kiện ông có 02 lần đóng hụi cho bà M với số tiền 14.000.000 đồng nhưng là hụi chưa mãn không liên quan đến số tiền hụi bà M đang khởi kiện. Nay ông đồng ý trả cho bà M số tiền hụi còn nợ là 211.000.000 đồng nhưng ông yêu cầu bà M cung cấp việc ông tham gia cụ thể từng dây hụi, số tiền hốt hụi, số tiền hụi còn nợ của từng dây hụi vì khi ông ký biên nhận thì giữa ông và bà M chưa đối chiếu với nhau số tiền hụi ông còn nợ bà M, lý do ông ký biên nhận là vì bà M nhiều lần đến nơi ông làm việc để đòi tiền và bận nhiều công việc, do sợ bị ảnh hưởng đến uy tín và ký để bà M không đến tìm nữa nên ông mới đồng ý ký biên nhận cho bà M. Số tiền hốt hụi ông sử dụng để nuôi tôm công nghiệp từ năm 2020 cho đến nay, nuôi tôm nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, việc ông nuôi tôm thì bà T biết nhưng không tham gia nhưng khi làm ăn có khó khăn thì bà T có cho ông mượn tiền để trả, ông và bà T làm ăn kinh tế riêng từ năm 2006 cho đến nay nhưng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì vẫn cùng lo chung, hiện tại ông và bà T vẫn còn sống chung, khi ông tham gia hụi, hốt hụi của bà M thì bà T không biết do ông và bà T đã làm kinh tế riêng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thanh T trình bày: Khi ông S tham gia giao dịch hụi, hốt hụi với bà M thì bà hoàn toàn không biết, đồng thời bà M không giải thích được các khoản còn thiếu trong các biên nhận do ông S ký và số tiền đã ký trong biên nhận nhiều hơn số tiền ông S phải đóng hụi hàng tháng nên việc bà M khởi kiện hoàn toàn không đúng. Bà và ông S hiện tại vẫn còn sống chung nhà nhưng sử dụng tiền và làm ăn kinh tế riêng từ năm 2006 cho đến nay có nhiều người thân trong gia đình và bạn bè bà biết rõ sự việc và có làm xác nhận

cho bà vào ngày 08/01/2024. Việc ông S nuôi tôm công nghiệp thì bà biết nhưng do ông S làm bà không có tham gia, khi làm ăn thua lỗ thì bà có cho ông S mượn tiền để trả, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì bà và ông S vẫn cùng lo chung. Nay bà không chấp nhận trả số tiền hụi còn nợ cho bà M, trường hợp bà M cung cấp đủ chứng cứ về việc ông S tham gia cụ thể từng dây hụi, hốt hụi, số tiền hụi còn nợ của từng dây hụi thì bà đồng ý động viên cho ông S trả cho bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M. Buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền hụi còn nợ là 211.000.000 đồng.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 bị đơn Lâm Thái S kháng cáo với nội dung: Ông S yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm: 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo hướng chỉ chấp nhận những chứng từ nợ hụi ông còn thiếu bà M là 150.000.000 đồng.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 bị đơn là bà Trần Thanh T kháng cáo với nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo hướng không buộc bà có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà M. Bà cho rằng việc giải quyết nợ khi chúng tôi chưa phải là quan hệ vợ chồng được giải quyết theo Bộ luật dân sự, tức giao dịch nợ của ai người đó phải có nghĩa vụ trả. Án sơ thẩm đã có sự nhầm lẫn quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình: "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông S trình bày: Trong 6 dây hụi, tính lại ông chỉ thiếu bà M 146.000.000 đồng, sau khi ký giấy nợ hụi, ông chỉ thiếu có 4.000.000 đồng, tổng cộng thiếu 150.000.000 đồng. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông trả cho bà M 150.000.000 đồng nợ hụi.

Bà T trình bày: Bà và ông S có tài sản riêng, làm kinh tế độc lập, bà không chơi hụi và nợ hụi bà M. Do đó bà yêu cầu Hội đồng xét xử xác định ông S nợ riêng bà M, bà không có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Bà M trình bày: Sau khi chơi hụi, bà và ông S có đối chiếu nợ hụi với nhau, ông S là người viết biên nhận nợ hụi cho bà và tại 2 phiên hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm ông S đều thừa nhận sau ký giấy nợ, ông có nợ thêm tiền hụi 10.000.000 đồng, tổng cộng là 211.000.000 đồng. Đối với bà T và ông S chung sống như vợ chồng, có 2 con chung, ông S khai tại tòa sơ thẩm là ông chơi hụi để nuôi tôm lo kinh tế gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Lâm Thái S về số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng, ông S chỉ còn nợ 4.000.000 đồng sau khi ký 2 biên nhận nợ hụi; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thanh T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Lâm Thái S về việc chỉ nợ tiền hụi của bà M 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại Biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau lập vào các ngày 06/11/2024 và ngày 26/12/2024, ông Lâm Thái S đều thừa nhận ông S có tham gia nhiều dây hụi do bà M làm chủ. Các biên nhận vào các ngày 01/10/2024 và 25/5/2024 đều do ông S trực tiếp ghi và ký tên. Đồng thời, từ ngày 02/10/2024 đến ngày 15/10/2024 nợ thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi ông S còn nợ bà M là 211.000.000 đồng, ông S đồng ý trả số tiền 211.000.000 đồng (bút lục 34, 55).

[2.2] Từ những lời trình bày, thừa nhận của ông S tại các biên bản hòa giải tại Tòa án như nêu trên, cho thấy ông S xác định ông tự nguyện cùng bà M chốt nợ với số tiền là 211.000.000 đồng, chứ không bị ép buộc như ông trình bày.

[2.3] Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông S xác định ông S tham gia rất nhiều dây hụi nên không nhớ, ông S "yêu cầu bà M cung cấp việc tôi tham gia cụ thể từng dây hụi, số tiền hốt hụi, số tiền hụi còn nợ của từng dây hụi vì khi tôi ký biên nhận thì giữa tôi và bà M chưa đối chiếu với nhau số tiền hụi tôi còn nợ bà M".

Tại phiên tòa, bà M xác định sau khi bà M với ông S chốt nợ, các chứng từ giao dịch hụi giữa bà M với ông S bà đã hủy bỏ.

Như vậy, việc ông S không nhớ và bà M đã hủy bỏ các chứng từ giao dịch hụi, Hội đồng xét xử cũng không có căn cứ để xem xét quá trình chơi hụi giữa các đương sự.

[2.4] Lời trình bày của ông S về việc khi ông S ký biên nhận nợ hụi thì giữa ông S và bà M chưa đối chiếu, là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, ông S không có chứng cứ chứng minh ông S bị ép buộc ký tên trong biên nhận nợ. Do đó, khi ông S ký biên nhận nợ, nếu chưa đối chiếu nợ hụi trong quá trình chơi hụi thì dựa vào đâu mà ông S xác định được ông còn nợ hụi bà M số tiền 211.000.000 đồng. Hơn nữa, ông S là bác sĩ, không thể cho là không hiểu biết về trách nhiệm của mình khi ký tên vào giấy nhận nợ cũng như trách nhiệm của mình khi khai báo tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm ông S không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó kháng cáo của ông S không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của bà Trần Thanh T về việc không buộc bà T có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T cho rằng bà và ông S chung sống từ năm 1988 không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà có hai con chung, đến ngày 09/10/2024, ông S và bà T mới đăng ký kết hôn nên bà T cho rằng ông S chơi hụi và nợ hụi bà M trước khi đăng ký kết hôn với bà nên đây là khoản nợ riêng của ông S. Bà T không có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ. Đồng thời, bà T còn nộp chứng cứ là đơn xin xác nhận kinh tế độc lập có nội dung ông S, bà T có kinh tế độc lập với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông S, bà T chung sống từ năm 1988, tại phiên tòa phúc thẩm, ông S và bà T đều thừa nhận từ năm 1988 đến nay, ông bà vẫn cùng sống chung để cùng nuôi con. Đồng thời, tại cấp sơ thẩm bà T và ông S thừa nhận chi tiêu sinh hoạt trong gia đình vẫn cùng lo chung, số tiền hụi có sử dụng cho việc ông S nuôi tôm công nghiệp cũng để phát triển kinh tế chung trong gia đình ông S và bà T, khi làm ăn có khó khăn thì bà T vẫn phụ giúp ông S trong việc chi trả đó là cho ông S mượn tiền trả nợ, nên số nợ của bà M cấp sơ thẩm xác định là nợ chung của ông S và bà T, là có căn cứ.

Từ những chứng cứ, lời trình bày và nhận định nêu trên, kháng cáo của bà Trần Thanh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Thái S và kháng cáo của bà Trần Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự

Án phí sơ thẩm: Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T phải chịu. Bà Phan Tuyết M không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

Án phí phúc thẩm: ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M.

Buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền hụi còn nợ là 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm:

Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T phải chịu số tiền 10.550.000 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Phan Tuyết M không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

Án phí phúc thẩm:

Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/6/2025 ông S và bà T mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0004209 và 0004208, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là: Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau) được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thành Lập	**Đặng Minh Trung**	**Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thành Lập

Đặng Minh Trung

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh